

PHỤ LỤC 1

**Các văn bản pháp lý và phiếu kết quả
phân tích môi trường nền đã thực hiện**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1656/TTg-QHQT

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2020

V/v phê duyệt Đề xuất dự án “Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản

Kính gửi:

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh: Sơn La, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu.

Xét đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 7549/BKHĐT-KHĐT ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc phê duyệt Đề xuất Dự án “Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai” sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Nhật Bản, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

I. Phê duyệt các Đề xuất dự án “Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai” của các tỉnh: Sơn La, Yên Bái, Hà Giang, Điện Biên, Lào Cai, Lai Châu với các nội dung chính như sau:

1. Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lào Cai:

- Tên Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai.
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.
- Tên nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản (thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản – JICA).
- Mục tiêu:

+ Mục tiêu tổng quát: Góp phần phát triển nông thôn toàn diện trong khu vực kinh tế kém phát triển, để thu hẹp khoảng cách kinh tế bằng cách tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, phát triển kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.

- Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần công trình (mở mới, nâng cấp 102,6 km đường; 491 ha diện tích hoa màu được tưới tiêu; 5,05 km kè bảo vệ sông suối) để cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước. Cụ thể, nước tưới sẽ được tăng lên; khơi thông dòng chảy, giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt. Dự án sẽ được lồng ghép với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu để ngăn chặn tác động tiêu cực do thiên tai có thể xảy ra.

- Thời gian và địa điểm thực hiện Dự án:
- + Thời gian thực hiện Dự án: 04 năm kể từ ngày ký hiệp định vay.
- + Địa điểm: Tại các huyện, thị xã: Simacai, Văn Bàn, Bảo Thắng, Bắc Hà, Bát Sắt và Sa Pa.
- Tổng mức đầu tư: 2,514 tỷ Yên Nhật, tương đương 23,568 triệu đô-la Mỹ, tương đương 548,14 tỷ đồng, trong đó:
 - + Vốn vay ODA: 2,014 tỷ Yên Nhật, tương đương 18,895 triệu đô-la Mỹ, tương đương 439,14 tỷ đồng.
 - + Vốn đối ứng: 109 tỷ đồng, tương đương 500 triệu Yên Nhật, tương đương 4,69 triệu đô-la Mỹ.
- Cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay ODA và vốn đối ứng:
 - + Vốn vay ODA: Cấp phát một phần và cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính, cụ thể: cấp phát: 60%; cho vay lại: 40%.
 - + Vốn đối ứng: Địa phương tự bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; đối với giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

2. Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu:

- Tên Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai.
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.
- Tên nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản (thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản – JICA).
- Mục tiêu:
 - + Mục tiêu tổng quát: Góp phần phát triển nông thôn toàn diện trong khu vực kinh tế kém phát triển, để thu hẹp khoảng cách kinh tế bằng cách tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, phát triển kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.
 - + Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần công trình của Dự án (mở mới, nâng cấp 103,35 km đường; 465 ha diện tích hoa màu được tưới tiêu; 1,2 km kè bảo vệ sông suối) để cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước. Cụ thể,

nước tưới sẽ được tăng lên; khơi thông dòng chảy, giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt. Dự án sẽ được lồng ghép với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu để ngăn chặn tác động tiêu cực do thiên tai có thể xảy ra.

- Thời gian và địa điểm thực hiện Dự án:

- + Thời gian thực hiện Dự án: 04 năm kể từ ngày ký hiệp định vay.

- + Địa điểm: Tại các huyện, thị xã: Tân Uyên, Tam Đường, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Than Uyên.

- Tổng mức đầu tư: 2,431 tỷ Yên Nhật, tương đương 22,8 triệu đô-la Mỹ, tương đương 530,033 tỷ đồng, trong đó:

- + Vốn vay ODA: 2,018 tỷ Yên Nhật, tương đương 19 triệu đô-la Mỹ, tương đương 440 tỷ đồng.

- + Vốn đối ứng: 90,033 tỷ đồng, tương đương 413 triệu Yên Nhật, tương đương 3,8 triệu đô-la Mỹ.

- Cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay ODA và vốn đối ứng:

- + Vốn vay ODA: Cấp phát một phần và cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính, cụ thể: cấp phát: 70%; cho vay lại: 30%.

- + Vốn đối ứng: Địa phương tự bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; đối với giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

3. Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Điện Biên:

- Tên Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai.

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Tên nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản (thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản – JICA).

- Mục tiêu:

- + Mục tiêu tổng quát: Góp phần phát triển nông thôn để thích ứng với thiên tai tại khu vực kinh tế còn kém phát triển, thu hẹp khoảng cách phát triển bằng việc tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp; phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, phát triển kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.

+ Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần công trình của Dự án (mở mới, nâng cấp 101 km đường; đảm bảo nước tưới cho 7.324 ha diện tích lúa; 4,69 km kè bảo vệ sông suối) để cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước. Cụ thể, nước tưới sẽ được tăng lên; khơi thông dòng chảy, giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt. Dự án sẽ được lồng ghép với các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu để ngăn chặn tác động tiêu cực do thiên tai có thể xảy ra.

- Thời gian và địa điểm thực hiện Dự án:

+ Thời gian thực hiện Dự án: 04 năm kể từ ngày ký hiệp định vay.

+ Địa điểm: Tại các huyện, thành phố: Điện Biên Đông, Điện Biên, Tủa Chùa, Nậm Pồ, Mường Nhé, Mường Ảng, Thành phố Điện Biên Phủ.

- Tổng mức đầu tư: 2,197 tỷ Yên Nhật, tương đương 20,6 triệu đô-la Mỹ, tương đương 478,94 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn vay ODA: 1,742 tỷ Yên Nhật, tương đương 16,34 triệu đô-la Mỹ, tương đương 379,76 tỷ đồng.

+ Vốn đối ứng: 99,18 tỷ đồng, tương đương 454,954 triệu Yên Nhật, tương đương 4,268 triệu đô-la Mỹ.

- Cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay ODA và vốn đối ứng:

+ Vốn vay ODA: Cấp phát một phần và cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính, cụ thể: cấp phát: 70%; cho vay lại: 30%.

+ Vốn đối ứng: Địa phương tự bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; đối với giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

4. Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Sơn La:

- Tên Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai.

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.

- Tên nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản (thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản – JICA).

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu tổng quát: Góp phần phát triển nông thôn để thích ứng với thiên tai tại khu vực kinh tế còn kém phát triển, thu hẹp khoảng cách phát triển bằng việc tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp; phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, phát triển

kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.

+ Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần công trình của Dự án để cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước. Cụ thể: nâng cấp cải tạo 7,8 km đường do đó tạo điều kiện thuận lợi cho bà con vùng sâu, vùng xa kết nối được với tỉnh lộ và quốc lộ, có điều kiện tiếp cận dễ dàng với nơi cung cấp đầu vào cho sản xuất nông nghiệp và tiếp cận với thị trường; cải tạo và nâng cấp 05 dự án trình thủy lợi chống chịu với thiên tai nhằm đảm bảo nước tưới tổng diện tích phục vụ cho 638 ha hoa màu; kè bảo vệ 3.970 m bờ suối nhằm khơi thông dòng chảy bảo vệ khu vực dân cư, diện tích cây trồng và cơ sở hạ tầng. Các tiểu dự án cơ sở hạ tầng này đều có lồng ghép các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu để ngăn chặn tác động tiêu cực do thiên tai có thể xảy ra.

- Thời gian và địa điểm thực hiện Dự án:

+ Thời gian thực hiện Dự án: 04 năm kể từ ngày ký hiệp định vay.

+ Địa điểm: Dự án được triển khai trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Phù Yên, Yên Châu, Mường La, Thuận Châu, Sốp Cộp.

- Tổng mức đầu tư: 1,599 tỷ Yên Nhật, tương đương 15 triệu đô-la Mỹ, tương đương 348,727 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn vay ODA: 1,196 tỷ Yên Nhật, tương đương 11,225 triệu đô-la Mỹ, tương đương 260,892 tỷ đồng.

+ Vốn đối ứng: 87,835 tỷ đồng, tương đương 402,912 triệu Yên Nhật, tương đương 3,779 triệu đô-la Mỹ.

- Cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay ODA và vốn đối ứng:

+ Vốn vay ODA: Cấp phát một phần và cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính, cụ thể: cấp phát: 60%; cho vay lại: 40%.

+ Vốn đối ứng: Địa phương tự bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; đối với giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

5. Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Yên Bái:

- Tên Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai.

- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Tên nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản (thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản – JICA).

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu tổng quát: Góp phần phát triển nông thôn để thích ứng với thiên tai tại khu vực kinh tế còn kém phát triển, thu hẹp khoảng cách phát triển bằng việc tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp; phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, phát triển kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.

+ Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần công trình của Dự án để cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước. Cụ thể: Cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông liên xã và liên thôn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường năng lực quản lý, điều hành cho đội ngũ cán bộ và người dân trong phạm vi Dự án.

- Thời gian và địa điểm thực hiện Dự án:

+ Thời gian thực hiện Dự án: 04 năm kể từ ngày ký hiệp định vay.

+ Địa điểm: Dự án được triển khai trên địa bàn các huyện, thị xã: Lục Yên, Văn Yên, Yên Bình, Văn Chấn, Trấn Yên, Nghĩa Lộ.

- Tổng mức đầu tư: 2,268 tỷ Yên Nhật, tương đương 21,276 triệu đô-la Mỹ, tương đương 494,45 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn vay ODA: 1,843 tỷ Yên Nhật, tương đương 17,285 triệu đô-la Mỹ, tương đương 401,70 tỷ đồng.

+ Vốn đối ứng: 92,75 tỷ đồng, tương đương 425,459 triệu Yên Nhật, tương đương 3,991 triệu đô-la Mỹ.

- Cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay ODA và vốn đối ứng:

+ Vốn vay ODA: Cấp phát một phần và cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính, cụ thể: cấp phát: 70%; cho vay lại: 30%.

- Vốn đối ứng: Địa phương tự bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; đối với giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

6. Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang:

- Tên Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai.
- Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.
- Tên nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản (thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản – JICA).

- Mục tiêu:

+ Mục tiêu tổng quát: Góp phần phát triển nông thôn để thích ứng với thiên tai tại khu vực kinh tế còn kém phát triển, thu hẹp khoảng cách phát triển bằng việc tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp; phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, phát triển kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.

+ Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần công trình của Dự án để cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước. Cụ thể: Cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi chống chịu với thiên tai; mở rộng và cải thiện mạng lưới đường bộ được để chống chịu với thiên tai; chỉnh trị, cải tạo sông ngòi được nhằm bảo vệ khu vực dân cư, diện tích cây trồng và cơ sở hạ tầng.

- Thời gian và địa điểm thực hiện Dự án:

+ Thời gian thực hiện Dự án: 04 năm kể từ ngày ký hiệp định vay.

+ Địa điểm: Dự án được triển khai trên địa bàn các huyện: Bắc Quang, Mèo Vạc, Yên Minh, Vị Xuyên, Bắc Mê, Quang Bình

- Tổng mức đầu tư: 2,173 tỷ Yên Nhật, tương đương 20,38 triệu đô-la Mỹ, tương đương 473,63 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn vay ODA: 1,760 tỷ Yên Nhật, tương đương 16,507 triệu đô-la Mỹ, tương đương 383,6 tỷ đồng.

+ Vốn đối ứng: 90 tỷ đồng, tương đương 413 triệu Yên Nhật, tương đương 3,873 triệu đô-la Mỹ.

- Cơ chế tài chính trong nước đối với vốn vay ODA và vốn đối ứng:

+ Vốn vay ODA: Cấp phát một phần và cho vay lại một phần với tỷ lệ cho vay lại quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ Tài chính, cụ thể: cấp phát: 70%; cho vay lại: 30%.

+ Vốn đối ứng: Địa phương tự bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác; đối với giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các

nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

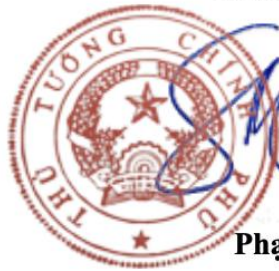
II. Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi văn bản thông báo chính thức cho phía Nhật Bản Đề xuất Dự án nêu trên để xem xét tài trợ cho Dự án.

III. Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Sơn La, Điện Biên và Lai Châu căn cứ phê duyệt Đề xuất dự án của Thủ tướng Chính phủ, tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trao đổi, làm việc với nhà tài trợ để triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg, các PTTg: Phạm Bình Minh, Trịnh Đình Dũng;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Cao Lộc, các Vụ: KTTH, NN, TH;
- Lưu: VT, QHQT (3). HQ.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Bình Minh

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1549/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 8254/BKHĐT-KTĐN ngày 15 tháng 11 năm 2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang.
2. Nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản, thông qua Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA).
3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.
4. Mục tiêu, quy mô:
 - a) Mục tiêu:

- Mục tiêu tổng quát: góp phần phát triển nông thôn toàn diện trong khu vực kinh tế kém phát triển, thu hẹp khoảng cách kinh tế bằng cách tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, phát triển kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.

- Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần công trình để cải thiện các hoạt động sinh kế của người dân nông thôn ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước, cụ thể:

- + Cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi chống chịu với thiên tai.
- + Mở rộng, cải thiện hệ thống mạng lưới giao thông đường bộ nhằm kết nối vùng và khu vực.
- + Chinh trị, cải tạo sông ngòi nhằm bảo vệ khu vực dân cư, diện tích cây trồng và cơ sở hạ tầng.

b) Quy mô: Dự án gồm 14 tiểu dự án thành phần, gồm:

- 09 tiểu dự án thủy lợi: (i) Sửa chữa, nâng cấp kênh mương cấp I, Hồ Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang; (ii) Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Vằng Quân, xã Hữu Sản, huyện Bắc Quang; (iii) Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Ngọc Minh, xã Ngọc Minh, huyện Vị Xuyên; (iv) Nâng cấp cải tạo tuyến kênh hồ Trùng, xã Vĩnh Phúc, huyện Bắc Quang; (v) Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy nông Tổ 04, thị trấn Yên Bình, huyện Quang Bình; (vi) Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy nông Tam Tát, xã Vĩ Thượng, huyện Quang Bình; (vii) Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Tham Vè, xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên; (viii) Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên; (ix) Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi xã Đường Âm, huyện Bắc Mê.

- 04 tiểu dự án đường giao thông nâng cấp 48,5 km đường theo tiêu chuẩn cấp VI miền núi: (i) Tiểu dự án đường Bằng Hành – Kim Ngọc – Vô Điểm (đường cấp VI miền núi, tổng chiều dài 14 km); (ii) Tiểu dự án đường Đồng Tâm – Trung Thành, đoạn từ thôn Nậm Tuộc đi thôn Lâm, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang (đường cấp VI miền núi, tổng chiều dài 9,6 km); (iii) Tiểu dự án đường Ngọc Long – Mậu Long (đường cấp VI miền núi, tổng chiều dài 10,9 km); (iv) Tiểu dự án đường Mậu Long – Nậm Ban (đường cấp VI miền núi, tổng chiều dài 14 km).

- 01 tiểu dự án chinh trị sông suối: Công trình kè chống sạt lở hạ lưu tràn xả lũ và bảo vệ tuyến kênh cấp I hồ Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang.

5. Địa điểm: Dự án được thực hiện trên địa bàn các huyện: Vị Xuyên, Bắc Quang, Quang Bình, Bắc Mê, Yên Minh và Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

6. Thời gian thực hiện: 04 năm, kể từ ngày ký Hiệp định vay.

7. Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn:

Tổng mức đầu tư: 473,634 tỷ đồng, tương đương 2.172,5 triệu Yên, tương đương 20,38 triệu USD, trong đó:

a) Vốn vay ODA: 1.759,5 triệu Yên, tương đương 16,506 triệu USD, tương đương 383,6 tỷ đồng.

b) Vốn đối ứng: 90,034 tỷ đồng, tương đương 3,874 triệu USD, tương đương 413 triệu Yên.

8. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại:

- Đối với vốn vay ODA: ngân sách trung ương cấp phát 90%, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang vay lại 10%.

- Đối với vốn đối ứng: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang bố trí toàn bộ vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi công hàm cho Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam đề nghị Chính phủ Nhật Bản cung cấp vốn vay cho Dự án.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang:

- Tiếp thu các ý kiến góp ý nêu tại Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án để hoàn thiện, thẩm định, phê duyệt đầu tư theo quy định hiện hành.

- Rà soát, sắp xếp thứ tự ưu tiên, bố trí nguồn lực và báo cáo cấp có thẩm quyền để bổ sung Dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về nội dung, số liệu báo cáo và hiệu quả đầu tư của Dự án, bảo đảm thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Ngoại giao, Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTg, PTTg TT Phạm Bình Minh;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Xuân Thành;
- các Vụ: KTTH, TH;
- Lưu: VT, QHQT (3). HQ.



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Bình Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2464/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-TTg ngày 15/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản;

Xét đề nghị của Ban điều phối Chương trình CPRP tại công văn số 231/CPRP-KH&TDGS ngày 26/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao cho Ban điều phối Chương trình giảm nghèo dựa trên phát triển hàng hóa (CPRP) tỉnh Hà Giang làm nhiệm vụ Chủ đầu tư đối với dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản.

Điều 2. - Ban điều phối Chương trình CPRP tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư trong quá trình tổ chức thực hiện dự án theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, quy định của dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật, người quyết định đầu tư về các quyết định của mình.

- Giao cho Ban điều phối Chương trình CPRP tỉnh xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ của dự án. Quá trình thực hiện phối hợp chặt chẽ với các ngành, các huyện có liên quan để giải quyết các vướng mắc, kịp thời báo cáo và đề xuất với UBND tỉnh những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ban điều phối Chương trình CPRP tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu hồ sơ 03 bộ;
- Lưu: VT, KTTH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

Số: 516/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Giang, ngày 03 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ứng trước kế hoạch vốn đầu tư công (phần đối ứng ngân sách địa phương từ ngân sách tỉnh) cho Ban điều phối chương trình CPRP tỉnh Hà Giang để thực hiện Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản;

Căn cứ Công văn số 3106-CV/TU ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Tỉnh ủy Hà Giang, trích Kết luận số 519-KL/TU ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về các Tờ trình của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh;

Căn cứ Kết luận số 80-KL/BCSD ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh phiên họp ngày 10 tháng 3 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2286/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023.

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 316/SKHĐT-QLĐTC ngày 24 tháng 02 năm 2023 và Văn bản số 306/STC-TCĐT ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ứng trước kế hoạch vốn đầu tư công, số tiền: 6,112 tỷ đồng (Sáu tỷ, một trăm mười hai triệu đồng) phân đối ứng ngân sách địa phương từ ngân sách tỉnh cho Ban điều phối chương trình CPRP tỉnh Hà Giang thực hiện Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Số vốn ứng trước ghi tại Điều 1 Quyết định này được cấp từ nguồn ngân sách cấp tỉnh năm 2023. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước tỉnh có trách nhiệm tham mưu bố trí hoàn trả số vốn ứng nêu trên về ngân sách tỉnh từ nguồn vốn đầu tư công kế hoạch năm 2024.

Ban điều phối chương trình CPRP tỉnh Hà Giang phối hợp cùng các đơn vị có liên quan khẩn trương hoàn thiện các trình tự, thủ tục, đẩy nhanh tiến độ thi công dự án; quản lý, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích và thực hiện thanh, quyết toán nguồn vốn được giao theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban điều phối chương trình CPRP tỉnh Hà Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT(PTK) UBND tỉnh;
- CVP, PCVP (KT) UBND tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- VnptiOffice;
- Lưu VT, CV: KTTH.





CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Sơn



Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1049/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Đề xuất Dự án “Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai” tỉnh Hà Giang, sử dụng vốn vay Nhật Bản

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý nợ ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài (Nghị định số 114/2021/NĐ-CP); Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ (Nghị định số 97/2018/NĐ-CP); Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính tại văn bản số 5094/BTC-QLN ngày 18 tháng 4 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Đề xuất Dự án “Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai” tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản cụ thể như sau:

- Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần của Dự án để cải thiện hoạt động sinh kế của người dân ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước, cụ thể: Cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi chống chịu với thiên tai; Mở rộng, cải thiện hệ thống mạng lưới giao thông đường bộ nhằm kết nối vùng và khu vực.

- Vốn vay ODA: 6,173 tỷ JPY, tương đương 977,164 tỷ VNĐ, tương đương 40,456 triệu USD.

Điều 2. Bộ Tài chính:

- Chịu trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền về nội dung báo cáo, đề xuất và kiến nghị tại các văn bản: số 5094/BTC-QLN ngày 18 tháng 4 năm 2025, số 3651/BTC-QLN ngày 24 tháng 3 năm 2025, số 1321/BKHĐT-KTĐN ngày 17 tháng 02 năm 2025 và số 10740/BKHĐT-KTĐN ngày 26 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đúng quy trình, thủ tục và đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Thông báo cho Chính phủ Nhật Bản về Đề xuất Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh.

Điều 3. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang:

- Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, thông tin, số liệu báo cáo tại hồ sơ điều chỉnh Đề xuất Dự án.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt điều chỉnh Đề xuất Dự án của Thủ tướng Chính phủ, tiếp thu ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan, thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án, phê duyệt đầu tư Dự án theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Bộ trưởng các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Ngoại giao, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTg, các PTTg;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- các Vụ: KTTH, NN, PL, TH;
- Lưu: VT, QHQT (2b). HQ_{tt}



**KT. THỦ TƯỚNG
PHO THỦ TƯỚNG**

B. Thanh Sơn

Bùi Thanh Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1069 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển nông thôn
thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang, sử dụng vốn vay Nhật Bản**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 1549/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản;

Căn cứ Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh đề xuất Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang, sử dụng vốn vay Nhật Bản;

Căn cứ Văn bản số 15400/BTC-QLN ngày 06/10/2025 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang, sử dụng vốn vay Chính phủ Nhật Bản;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 274/TTr-STC và Báo cáo số 273/BC-STC ngày 23/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang, sử dụng vốn vay Nhật Bản, cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang.

2. Nhà tài trợ: Chính phủ Nhật Bản, thông qua cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA).

3. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

4. Mục tiêu đầu tư:

- Mục tiêu tổng quát: Góp phần phát triển nông thôn toàn diện trong khu vực kinh tế kém phát triển, thu hẹp khoảng cách kinh tế bằng cách tăng năng suất và tăng giá trị nông nghiệp, phát triển cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ với các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Từ đó, phát triển kinh tế tổng thể theo hướng bền vững, chống chịu với thời tiết và tạo điều kiện để nông thôn tự ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào việc giảm nhẹ các tác động tiêu cực có thể xảy ra do thiên tai.

- Mục tiêu cụ thể: Thông qua các hợp phần cụ thể của dự án để cải thiện hoạt động sinh kế của người dân ở khu vực kém phát triển so với mức trung bình của cả nước, cụ thể: (i) Cải tạo và nâng cấp các công trình thủy lợi chống chịu với thiên tai; (ii) Mở rộng, cải thiện hệ thống mạng lưới giao thông đường bộ nhằm kết nối vùng và khu vực.

5. Quy mô đầu tư: Dự án gồm 06 tiểu dự án thành phần, gồm:

- 04 tiểu dự án thủy lợi: (i) Sửa chữa, nâng cấp kênh mương cấp I, Hồ Quang Minh; (ii) Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Vằng Quân; (iii) Nâng cấp cải tạo tuyến kênh Hồ Trùng; (iv) Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy nông Tạm Tát.

- 02 tiểu dự án đường giao thông: (i) Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Bằng Hành - Kim Ngọc - Vô Điểm; (ii) Nâng cấp, cải tạo đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT.176B) (giai đoạn II).

6. Địa điểm thực hiện dự án: Dự án được thực hiện trên địa bàn các xã: Bằng Hành, Du Già, Đường Thượng, Mậu Duệ, Bắc Quang, Liên Hiệp, Đồng Yên, Tiên Yên, tỉnh Tuyên Quang.

7. Thời gian thực hiện dự án: 04 năm, kể từ ngày Hiệp định vay có hiệu lực.

8. Tổng mức đầu tư dự án, cơ cấu nguồn vốn:

Tổng mức đầu tư: 1.299.505 triệu đồng, tương đương với 53,906 triệu USD, tương đương 8.225 triệu Yên. Trong đó:

- Vốn vay ODA: 6.173 triệu Yên, tương đương 40,456 triệu USD, tương đương 975.284 triệu đồng.

- Vốn đối ứng: 324.220 triệu đồng, tương đương 13,449 triệu USD, tương đương 2.052 triệu Yên.

(Tỷ giá 1 USD = 24.107 VND; 1 JPY = 158 VND theo Thông báo 2114/TB-KBNN ngày 26/4/2024 của KBNN về tỷ giá hạch toán ngoại tệ tháng 05/2024)

9. Cơ chế tài chính trong nước và phương thức cho vay lại:

- Đối với vốn vay ODA: Ngân sách trung ương cấp phát 90%, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang vay lại 10%;

- Đối với vốn đối ứng: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang bố trí toàn bộ vốn đối ứng từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án vốn nước ngoài (chủ dự án): Căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tổ chức thực hiện các bước tiếp theo bảo đảm tuân thủ đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Nhà tài trợ.

2. Các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn và phối hợp với chủ dự án thực hiện nội dung tại Quyết định này bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực VIII; Giám đốc Ban Quản lý dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã: Bằng Hành, Du Già, Đường Thượng, Mậu Duệ, Bắc Quang, Liên Hiệp, Đồng Yên, Tiên Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng JICA Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3; (thi hành)
- Các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT (TL).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Gia Long

PHIẾU QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG NỀN



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 32239007 Web: liênminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10302/2023/PKQ-LMMT/23.3917

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Nâng cấp, cải tạo tuyến kênh hồ Trùng, xã Vĩnh Phúc, huyện Bắc Quang
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 17/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 08:2023/BTNMT
			NM		
1	pH	-	6,95	TCVN 6492:2011	6 + 8,5 ⁽²⁾
2	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	5,43	TCVN 7325:2016	≥ 4 ⁽²⁾
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	27	TCVN 6625:2000	> 100 và Không có rác nổi ⁽²⁾
4	BOD ₅	mg/L	3	TCVN 6001-1:2008	≤ 10 ⁽²⁾
5	COD	mg/L	8	SMEWW 5220C:2017	≤ 20 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	0,8	TCVN 6179-1:1996	0,3 ⁽¹⁾
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,785	TCVN 6180:1996	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	KPH	TCVN 6202:2008	-
9	Coliform	MPN/100mL	1.300	SMEWW 9221B:2017	≤ 7.500 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM: Nước mặt tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ: X=22°16'8,7"; Y=104°46'51,1".

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ (1): Giá trị giới hạn-Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ (2): Mức C-Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Hà

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Đỗ Văn Đồng

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 3345/SYT – NVY)

Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 32239007

Web: lienminhmoitruong.com.vn

VILAS **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Số: 10306/2023/PKQ-LMMT/23.3918

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Kè chống sạt lở hạ lưu tràn xả lũ và bảo vệ tuyến kênh cấp I hồ Quang Minh
Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 18/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 05:2023/ BTNMT
			KK		
1	Nhiệt độ	°C	27,9	QCVN 46:2012/BTNMT	-
2	Độ ẩm	%	69	QCVN 46:2012/BTNMT	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,7	QCVN 46:2012/BTNMT	-
4	Hướng gió	-	ĐN	QCVN 46:2012/BTNMT	-
5	Áp suất	hPa	1.006	QCVN 46:2012/BTNMT	-
6	Tiếng ồn L_{Aeq}	dBA	40,3	TCVN 7878-2:2018	70 ⁽¹⁾
7	Tiếng ồn L_{Amax}	dBA	51,5	TCVN 7878-2:2018	70 ⁽¹⁾
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	140	TCVN 5067:1995	300
9	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	51,6	TCVN 5971:1995	350
10	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	82	TCVN 6137:2009	200
11	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	4.710	SOP.PT.KXQ.03	30.000
12	Chì (Pb)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH	US EPA Compendium Method 10-3.2	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK : Không khí tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ 104°50'32,8"; 22°24'28,6"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

+ (1): QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Ngọc

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN THẾ NĂNG

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 32239007

Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10309/2023/PKQ-LMMT/23.3919

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang" - Công trình: Sửa chữa, nâng cấp mương cấp I hồ Quang Minh
Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 18/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 05:2023/ BTNMT
			KK		
1	Nhiệt độ	°C	27,5	QCVN 46:2012/BTNMT	-
2	Độ ẩm	%	69	QCVN 46:2012/BTNMT	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,8	QCVN 46:2012/BTNMT	-
4	Hướng gió	-	ĐN	QCVN 46:2012/BTNMT	-
5	Áp suất	hPa	1.002	QCVN 46:2012/BTNMT	-
6	Tiếng ồn L _{Aeq}	dBA	38,1	TCVN 7878-2:2018	70 ⁽¹⁾
7	Tiếng ồn L _{Amax}	dBA	50	TCVN 7878-2:2018	(1)
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	219	TCVN 5067:1995	300
9	SO ₂	µg/m ³	78,5	TCVN 5971:1995	350
10	NO ₂	µg/m ³	93	TCVN 6137:2009	200
11	CO	µg/m ³	5.070	SOP.PT.KXQ.03	30.000
12	Chì (Pb)	µg/m ³	KPH	US EPA Compendium Method IO-3.2	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK : Không khí tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ 104°50'30,5"; 22°24'30,3"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

+ (1): QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Ngọc

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

LIÊN MINH
MÔI TRƯỜNG VÀ
XÂY DỰNG

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 32239007 Web: liênminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10307/2023/PKQ-LMMT/23.3918

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Kè chống sạt lở hạ lưu tràn xả lũ và bảo vệ tuyến kênh cấp I hồ Quang Minh
Loại mẫu : Mẫu đất Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 18/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 03:2023/ BTNMT
			Đ		Loại 2
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	10
2	Chì (Pb)	mg/kg	14,11	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	400
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	19,77	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	600
4	Asen (As)	mg/kg	KPH	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	50

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + Đ : Đất tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ 104°50'32,5"; 22°24'29,0"
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;
- + KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Ngọc

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVV)

Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 32239007 Web: liênminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10304/2023/PKQ-LMMT/23.3918

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Kè chống sạt lở hạ lưu tràn xả lũ và bảo vệ tuyến kênh cấp I hồ Quang Minh
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 18/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 08:2023/ BTNMT
			NM		GTGH ⁽¹⁾
1	pH	-	6,98	TCVN 6492:2011	6 + 8,5 ⁽²⁾
2	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	5,1	TCVN 7325:2016	≥ 4 ⁽²⁾
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	44	TCVN 6625:2000	> 100 và Không có rác nổi ⁽²⁾
4	BOD ₅	mg/L	<1	TCVN 6001-1:2008	≤ 10 ⁽²⁾
5	COD	mg/L	4	SMEWW 5220C:2017	≤ 20 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	KPH	TCVN 6179-1:1996	0,3
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,84	TCVN 6180:1996	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	0,021	TCVN 6202:2008	-
9	Coliform	MPN /100mL	240	SMEWW 9221B:2017	≤ 7.500 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM : Nước mặt tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ 104°50'33,1"; 22°24'28,7"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ (1): Giá trị giới hạn-Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người;

+ (2): Mức C-Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ: PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 32239007 Web: lienminhmoitruong.com.vn

VILAS 968 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10308/2023/PKQ-LMMT/23.3919

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Sửa chữa, nâng cấp nương cấp I hồ Quang Minh
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 18/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 08:2023/ BTNMT
			NM		GTGH ⁽¹⁾
1	pH	-	7,09	TCVN 6492:2011	6 ÷ 8,5 ⁽²⁾
2	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	5,36	TCVN 7325:2016	≥ 4 ⁽²⁾
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	23	TCVN 6625:2000	>15 và Không có rác nổi ⁽²⁾
4	BOD ₅	mg/L	3	TCVN 6001-1:2008	≤ 10 ⁽²⁾
5	COD	mg/L	8	SMEWW 5220C:2017	≤ 20 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	0,069	TCVN 6179-1:1996	0,3
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,705	TCVN 6180:1996	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	KPH	TCVN 6202:2008	-
9	Coliform	MPN /100mL	540	SMEWW 9221B:2017	≤ 7.500 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + NM: Nước mặt tại hồ Quang Minh. Tọa độ 104°50'29,9"; 22°24'30,4"
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- + (1): Giá trị giới hạn-Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người;
- + (2): Mức C-Bảng 3. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước;
- + KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- + (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Ngọc

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVV)

Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 32239007

Web: liênminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10305/2023/PKQ-LMMT/23.3918

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Kè chống sạt lở hạ lưu tràn xả lũ và bảo vệ tuyến kênh cấp I hồ Quang Minh
Loại mẫu : Nước dưới đất
Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 18/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 09:2023/ BTNMT
			NN		
1	pH	-	6,88	TCVN 6492:2011	5,8 + 8,5
2	TDS	mg/L	112	SOP.QT.N.07	1.500
3	Độ cứng tổng số	mg/L	24	TCVN 6224:1996	500
4	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	0,62	TCVN 6186:1996	4
5	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	KPH	TCVN 6179-1:1996	1
6	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	19,17	TCVN 6194:1996	250
7	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	KPH	SMEWW 4500-SO42-E:2017	400
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	mg/L	KPH	TCVN 6178:1996	1
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,258	SMEWW 4500.NO3.E:2017	15
10	Sắt (Fe)	mg/L	KPH	TCVN 6177:1996	5
11	Asen (As)	mg/L	KPH	SMEWW 3113B:2017	0,05
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH	SMEWW 3112B:2017	0,001
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH	SMEWW 3113B:2017	0,01
14	Coliform	CFU/100mL	KPH	TCVN 6187-1:2019	3

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NN : Nước ngầm hộ gia đình ông Nguyễn Văn Dương, thôn Kiều, xã Cao Minh, huyện Bắc Quang. Tọa độ 104°50'35,4"; 22°24'27,8"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 09:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đồng

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 32239007 Web: lienvinhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10298/2023/PKQ-LMMT/23.3921

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang" - Công
trình: Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Vằng Quân, xã Hữu Sản, huyện
Bắc Quang
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 17/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 08:2023/ BTNMT
			NM		GTGH ⁽¹⁾
1	pH	-	7,12	TCVN 6492:2011	6 + 8,5 ⁽²⁾
2	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	5,81	TCVN 7325:2016	≥ 4 ⁽²⁾
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	24	TCVN 6625:2000	> 100 và Không có rác nổi ⁽²⁾
4	BOD ₅	mg/L	<1	TCVN 6001-1:2008	≤ 10 ⁽²⁾
5	COD	mg/L	4	SMEWW 5220C:2017	≤ 20 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	KPH	TCVN 6179-1:1996	0,3
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,735	TCVN 6180:1996	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	0,05	TCVN 6202:2008	-
9	Coliform	MPN /100mL	540	SMEWW 9221B:2017	≤ 7.500 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM: Nước mặt tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ 105°4'20,5"; 22°25'20,6"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ (1): Giá trị giới hạn-Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ (2): Mức C-Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng
nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Ngọc

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 32239007 Web: lienvinhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10298/2023/PKQ-LMMT/23.3921

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang" - Công
trình: Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Vằng Quân, xã Hữu Sản, huyện
Bắc Quang
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 17/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 08:2023/ BTNMT
			NM		GTGH ⁽¹⁾
1	pH	-	7,12	TCVN 6492:2011	6 + 8,5 ⁽²⁾
2	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	5,81	TCVN 7325:2016	≥ 4 ⁽²⁾
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	24	TCVN 6625:2000	> 100 và Không có rác nổi ⁽²⁾
4	BOD ₅	mg/L	<1	TCVN 6001-1:2008	≤ 10 ⁽²⁾
5	COD	mg/L	4	SMEWW 5220C:2017	≤ 20 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	KPH	TCVN 6179-1:1996	0,3
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,735	TCVN 6180:1996	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	0,05	TCVN 6202:2008	-
9	Coliform	MPN /100mL	540	SMEWW 9221B:2017	≤ 7.500 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM: Nước mặt tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ 105°4'20,5"; 22°25'20,6"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ (1): Giá trị giới hạn-Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ (2): Mức C-Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng
nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Ngọc

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVV)

Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 32239007 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10301/2023/PKQ-LMMT/23.3916

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Sửa chữa, nâng cấp thủy nông Tam Tát, xã VI Thượng, huyện Quang Bình
Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 17/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 05:2023/BTNMT
			KK		
1	Nhiệt độ	°C	28,6	QCVN 46:2012/BTNMT	-
2	Độ ẩm	%	65	QCVN 46:2012/BTNMT	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	QCVN 46:2012/BTNMT	-
4	Hướng gió	-	ĐN	QCVN 46:2012/BTNMT	-
5	Áp suất	hPa	1.013	QCVN 46:2012/BTNMT	-
6	Tiếng ồn L_{Aeq}	dBA	55,9	TCVN 7878-2:2018	70 ⁽¹⁾
7	Tiếng ồn L_{Amax}	dBA	66,6	TCVN 7878-2:2018	-(1)
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	159	TCVN 5067:1995	300
9	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	56,4	TCVN 5971:1995	350
10	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	84	TCVN 6137:2009	200
11	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	4.890	SOP.PT.KXQ.03	30.000
12	Chì (Pb)	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	KPH	US EPA Compendium Method IO-3.2	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
- + KK : Không khí tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ 104°44' 54,0"; 22°13' 53,7"
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);
- + (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- + KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- + (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Ngọc

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 32239007

Web: lienvinhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10300/2023/PKQ-LMMT/23.3916

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Sửa chữa, nâng cấp thủy nông Tam Tát, xã Vĩ Thượng, huyện Quang Bình
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 17/10/2023
Ngày trả kết quả : 25/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 08:2023/ BTNMT
			NM		GTGH ⁽¹⁾
1	pH	-	7,07	TCVN 6492:2011	6 ÷ 8,5 ⁽²⁾
2	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	5,13	TCVN 7325:2016	≥ 4 ⁽²⁾
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	32	TCVN 6625:2000	> 100 và Không có rác nổi ⁽²⁾
4	BOD ₅	mg/L	3	TCVN 6001-1:2008	≤ 10 ⁽²⁾
5	COD	mg/L	8	SMEWW 5220C:2017	≤ 20 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	KPH	TCVN 6179-1:1996	0,3
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,62	TCVN 6180:1996	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	KPH	TCVN 6202:2008	-
9	Coliform	MPN /100mL	350	SMEWW 9221B:2017	≤ 7.500 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM: Nước mặt tại khu vực thực hiện của dự án. Tọa độ 104°44'53,7"; 22°13'54,1"

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ (1): Giá trị giới hạn-Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người;

+ (2): Mức C-Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Nguyễn Thị Ngọc

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ PTN: Tổng số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024.32239007

Web: lienminhmoitruong.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 10417/2023/PKQ-LMMT/23.3920

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Đường Bằng Hành - Kim Ngọc - Vô Diêm, huyện Bắc Quang
Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 03
Ngày quan trắc : 19/10/2023
Ngày trả kết quả : 31/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp thử nghiệm	QCVN 05:2023/ BTNMT
			KK1	KK2	KK3		
1	Nhiệt độ	°C	28,5	28,3	28,2	QCVN 46:2012/ BTNMT	-
2	Độ ẩm	%	70	72	74		-
3	Tốc độ gió	m/s	0,8	0,6	0,7		-
4	Hướng gió	-	ĐN	ĐN	ĐN		-
5	Áp suất	hPa	998	1.001	1.005		-
6	Tiếng ồn L _{Aeq}	dBA	58,3	55	60	TCVN 7878-2:2018	70 ⁽¹⁾
7	Tiếng ồn L _{Amax}	dBA	64	61	65	TCVN 7878-2:2018	110
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	191	234	209	TCVN 5067:1995	300
9	SO ₂	µg/m ³	68,9	63,1	46,8	TCVN 5971:1995	350
10	NO ₂	µg/m ³	96	88	58	TCVN 6137:2009	200
11	CO	µg/m ³	4.510	4.650	4.790	SOP.PT.KXQ.03	30.000
12	Chì (Pb)	µg/m ³	KPH	KPH	KPH	US EPA Compendium Method IO-3.2	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK1: Không khí tại khu vực xã Bằng Hành của dự án (điểm đầu của dự án). Tọa độ: X=2481562;

Y=447268.

+ KK2: Không khí tại khu vực xã Kim Ngọc của dự án (điểm giữa của dự án). Tọa độ: X=2480202;

Y=444131.

+ KK3: Không khí tại khu vực xã về điểm của dự án (điểm cuối của dự án). Tọa độ: X=2475329; Y=441895.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 1 giờ);

+ (1): QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 32239007

Web: lienminhmoitruong.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 96

Số: 10415/2023/PKQ-LMMT/23.3920

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Đường Bằng Hành - Kim Ngọc - Vô Điểm, huyện Bắc Quang
Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 02
Ngày quan trắc : 19/10/2023
Ngày trả kết quả : 31/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp thử nghiệm	QCVN 08:2023/ BTNMT
			NM1	NM2		GTGH ⁽¹⁾
1	pH	-	7,1	7,13	TCVN 6492:2011	6 + 8,5 ⁽²⁾
2	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	5,12	5,21	TCVN 7325:2016	≥ 4 ⁽²⁾
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	18	34	TCVN 6625:2000	> 100 và Không có rác nổi ⁽²⁾
4	BOD ₅	mg/L	<1	<1	TCVN 6001-1:2008	≤ 10 ⁽²⁾
5	COD	mg/L	4	4	SMEWW 5220C:2017	≤ 20 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	KPH	KPH	TCVN 6179-1:1996	0,3
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,845	0,705	TCVN 6180:1996	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	0,05	KPH	TCVN 6202:2008	-
9	Coliform	MPN /100mL	280	240	SMEWW 9221B:2017	≤ 7.500 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NM1: Nước mặt tại khu vực xã Kim Ngọc của dự án. Tọa độ: X=2479458; Y=444123.

+ NM2: Nước mặt tại khu vực xã Bằng Hành của dự án. Tọa độ: X=2479977; Y=445764.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ (1): Giá trị giới hạn-Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khoẻ con người;

+ (2): Mức C-Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ: 968 nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 32239007

Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 968

Số: 10418/2023/PKQ-LMMT/23.3920

Tên khách hàng

: Công ty cổ phần PDIC Việt Nam

Địa chỉ

: N07b – LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm quan trắc

: Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Đường Bằng Hành - Kim Ngọc - Vô Diễm, huyện Bắc Quang

Loại mẫu

: Mẫu đất

Số lượng mẫu: 01

Ngày quan trắc

: 19/10/2023

Ngày trả kết quả

: 31/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 03:2023/ BTNMT
			Đ		Loại 2
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	10
2	Chì (Pb)	mg/kg	12,95	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	400
3	Kẽm (Zn)	mg/kg	20,45	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	600
4	Asen (As)	mg/kg	KPH	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	50

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ Đ : Đất tại khu vực xã Vô Diễm của dự án (điểm cuối của dự án). Tọa độ: X=2476082; Y=441880.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 - VIMCERTS 185 - CV 2345/SYT - NVY)

Địa chỉ PTN: Tầng 4 số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 024 32239007

Web: lienminhmoitruong.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 968

Số: 10416/2023/PKQ-LMMT/23.3920

Tên khách hàng : Công ty cổ phần PDIC Việt Nam
Địa chỉ : N07b - LK27 Khu đất dịch vụ LK6, LK7, LK10, LK11, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai, tỉnh Hà Giang"- Công trình: Đường Bằng Hành - Kim Ngọc - Vô Điểm, huyện Bắc Quang
Loại mẫu : Nước dưới đất Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 19/10/2023
Ngày trả kết quả : 31/10/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 09:2023/ BTNMT
			NN		
1	pH	-	6,61	TCVN 6492:2011	5,8 + 8,5
2	TDS	mg/L	109	SOP. QT.N.07	1.500
3	Độ cứng tổng số	mg/L	KPH	TCVN 6224:1996	500
4	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	0,64	TCVN 6186:1996	4
5	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	KPH	TCVN 6179-1:1996	1
6	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	22,72	TCVN 6194:1996	250
7	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	mg/L	0	SMEWW 4500-SO42-E:2017	400
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	mg/L	KPH	TCVN 6178:1996	1
9	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	0,22	SMEWW 4500.NO3.E:2017	15
10	Sắt (Fe)	mg/L	KPH	TCVN 6177:1996	5
11	Asen (As)	mg/L	KPH	SMEWW 3113B:2017	0,05
12	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH	SMEWW 3112B:2017	0,001
13	Chì (Pb)	mg/L	KPH	SMEWW 3113B:2017	0,01
14	Coliform	CFU/100mL	KPH	TCVN 6187-1:2019	3

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NN : Nước ngầm hộ gia đình ông Hoàng Văn Viễn, xã Bằng Hành, huyện Bắc Quang (điểm đầu của dự án).

Tọa độ: X2480829; Y=447279.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 09:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QA/QC

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Ngọc

Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;

3. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

BIÊN BẢN THỎA THUẬN VỊ TRÍ ĐỒ THẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Giang, Ngày..... tháng năm 2023

BIÊN BẢN ĐIỀU TRA VỊ TRÍ BÃI ĐÓ THẢI

Dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tại tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản

Hợp phần giao thông: tiểu dự án Đường Bằng Hành-Kim Ngọc- Vô Điểm

Hôm nay, ngày tháng năm 2023 chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Đơn vị TVTK: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Ông (Bà): Chức vụ:
Ông (Bà): Đỗ Văn Nam Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2. Đại diện Đơn vị có bãi đổ thải:

Ông (Bà): Chức vụ:
Ông (Bà): Chức vụ:

3. Đại diện chính quyền địa phương nơi có vị trí bãi đổ thải

Ông (Bà): Ngọc Văn Bảo Chức vụ: Chủ tịch UBND xã
Ông (Bà): Linh Văn Chiểu Chức vụ: Công chức địa phương

Cùng nhau xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất hữu cơ của dự án trên như sau:

- Vị trí bãi đổ: Thôn Đoản Kết

- Trữ lượng: Đáp ứng nhu cầu đổ vật liệu thải, đất hữu cơ của dự án.

- Cự ly vận chuyển: Cự ly vận chuyển trung bình khoảng km.

Biên bản này làm căn cứ để đơn vị TVTK triển khai thiết kế và tính toán cự ly vận chuyển vật liệu thải, đất hữu cơ của dự án.

Biên bản này được lập thành 03 bản giao cho đơn vị tư vấn thiết kế giữ làm căn cứ phục vụ công tác thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình trên

ĐƠN VỊ TVTK

Đỗ Văn Nam

ĐƠN VỊ CÓ BÃI ĐÓ THẢI

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA
PHƯƠNG XÃ ĐOẢN KẾT
CHỦ TỊCH

Ngọc Văn Bảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, Ngày..... tháng năm 2025

BIÊN BẢN ĐIỀU TRA VỊ TRÍ ĐỒ THẢI

DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÍCH ỨNG VỚI
THIÊN TAI - TỈNH HÀ GIANG

1. Đại diện đơn vị Tư vấn:

Ông (Bà): Mai Đăng Giáp

Chức vụ: CBKT

Ông (Bà): Chức vụ

2. Đại diện hộ dân có bãi đổ thải:

Ông (Bà): Lý Văn Tỉn Chức vụ Chủ hộ kinh 0333257483

Ông (Bà): Chức vụ

3. Đại diện chính quyền địa phương nơi có vị trí bãi đổ thải:

Ông (Bà): Chức vụ

Ông (Bà): Chức vụ

Cùng nhau xác định vị trí đồ vật liệu thừa, đất hữu cơ của dự án trên như sau:

- Vị trí bãi đổ: bản Páoi, huyện Km 38 + 330

Thuộc thôn Khe Rì, Du Già - Tuyên Quang

Diện tích cho phép $S = 300 \times 200 \text{ m}$

Chiều cao cho phép $H = 30 \text{ m}$

- Trữ lượng: Đáp ứng nhu cầu đồ vật liệu thải, đất hữu cơ của dự án.

- Cự ly vận chuyển: Cự ly vận chuyển trung bình khoảng..... Km.

Biên bản này làm cơ sở căn cứ để đơn vị TVTK triển khai thiết kế và tính toán cự ly vận chuyển vật liệu thải, đất hữu cơ của dự án.

Biên bản này được lập thành 03 bản giao cho đơn vị tư vấn thiết kế giữ làm căn cứ phục vụ công tác thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình trên.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

TVTK

Mai Đăng Giáp

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

CÓ BÃI ĐỔ THẢI

Lý Văn Tỉn
0333257483

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

ĐỊA PHƯƠNG



Nguyễn Hữu Tuyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tuyên Quang, Ngày..... tháng năm 2025

BIÊN BẢN ĐIỀU TRA VỊ TRÍ ĐÓ THẢI

DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THÍCH ỨNG VỚI
THIÊN TÀI - TỈNH HÀ GIANG

1. Đại diện đơn vị Tư vấn:

Ông (Bà): Mai Đăng Giáp

Chức vụ: CBKT

Ông (Bà): Chức vụ

2. Đại diện hộ dân có bãi đổ thải:

Ông (Bà): Thơ Mi Mua Chức vụ Chủ sở hữu 0355784557

Ông (Bà): Chức vụ

3. Đại diện chính quyền địa phương nơi có vị trí bãi đổ thải:

Ông (Bà): Chức vụ

Ông (Bà): Chức vụ

Cùng nhau xác định vị trí đổ vật liệu thừa, đất hữu cơ của dự án trên như sau:

- Vị trí bãi đổ: bên phải tuyến Km 12 + 970 ZP537

thuộc thôn Khau Rì - xã Dư Già - Tuyên Quang

Diện tích cho phép S = 150m x 100m

Chiều cao cho phép H = 15m

- Trữ lượng: Đáp ứng nhu cầu đổ vật liệu thải, đất hữu cơ của dự án.

- Cự ly vận chuyển: Cự ly vận chuyển trung bình khoảng..... Km.

Biên bản này làm cơ sở căn cứ để đơn vị TVTK triển khai thiết kế và tính toán cự ly vận chuyển vật liệu thải, đất hữu cơ của dự án.

Biên bản này được lập thành 03 bản giao cho đơn vị tư vấn thiết kế giữ làm căn cứ phục vụ công tác thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình trên.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ

TVTK

ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

CÓ BÃI ĐÓ THẢI

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

ĐỊA PHƯƠNG

HỦ TỊCH

Mua
Mai Đăng Giáp

Mua

0355784557



Nguyễn Hữu Tuyên



Scanned with CamScanner

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Giang, ngày tháng năm 2023

BIÊN BẢN

Xác định cự ly vận chuyển đất đắp và đổ thải đất thừa

Tên dự án: Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Hà Giang sử dụng vốn vay Nhật Bản

Tiểu dự án 02: Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Vằng Quân, xã Hữu Sản, huyện Bắc Quang

I/ Thành phần:

1- Chủ đầu tư: Ban điều phối chương trình giảm nghèo dựa trên phát triển hàng hóa (CPRP) tỉnh Hà Giang

- Ông:..... Chức vụ: Giám đốc

- Ông:..... Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2- Đại diện đơn vị tư vấn: Viện Kỹ thuật Công trình

- Ông:..... Chức vụ:.....

- Ông:..... Chức vụ:.....

3- Đại diện UBND xã Hữu Sản

- Ông: Mai Kiên Quốc Chức vụ: Chủ tịch

- Ông:..... Chức vụ:.....

II/ Đối tượng xác minh:

Xác nhận cự ly vận chuyển đất đắp và đổ thải đất thừa hạng mục:

+ Dập đầu mối và cống lấy nước

+ Tuyến kênh chính

+ Tuyến kênh cấp 2

III/ Nội dung xác minh:

Sau khi khảo sát xác định tại hiện trường chúng tôi cùng nhau xác nhận cự ly vận chuyển đất đắp và đổ thải đất thừa phục vụ xây dựng công trình như sau:

- Đất đắp được khai thác tạiĐà Phụng.....
từ nguồn đất đồi

tại.....
- Đất thừa được đổ đi ra bãi thải với cự ly vận chuyển là tại Đà Phụng.

Biên bản làm cơ sở cho việc lập dự toán công trình, được thông qua các bên và cùng nhất trí ký tên.

Đ/ĐIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
Giám đốc



Đ/ĐIỆN ĐV TƯ VẤN
Viện trưởng

Mai Kiên Quốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**Về việc xác định cự ly vận chuyển vật liệu xây dựng
Công trình sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh Hồ Trùng, xã Vĩnh Phúc,
huyện Bắc Quang**

Hôm nay, ngày 02/08/2023 tại địa điểm xây dựng công trình, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần gồm có:

1. Đại diện chủ đầu tư: Ban điều phối chương trình giảm nghèo dựa trên phát triển hàng hóa (CPRP) tỉnh Hà Giang

Bà: Đào Thị Lan Anh

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Hà Ngọc Đức

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2. Đại diện UBND xã Vĩnh Phúc

Ông: Hoàng Cao Cường

Chức vụ: Phó Chủ tịch

Ông Ấu Quyết Định

Công chức địa chính GTXD

3. Đại diện đơn vị khảo sát thiết kế: Công ty CP tư vấn XD thủy lợi Hà Thành

Ông: Bùi Duy Trung

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Vũ Duy Long

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

II. Nội dung:

Sau khi khảo sát vị trí xây dựng công trình chúng tôi cùng nhau thống nhất xác định cự ly vận chuyển các loại vật liệu để phục vụ xây dựng công trình cụ thể như sau:

Xi măng, sắt thép, đá hộc, đá 4x6, đá 2x4, đá 1x2, đá các loại, cát vàng, cát đen, cát các loại, ván khuôn, ống thép, ống nhựa các loại, và các loại phụ kiện ống thép ống nhựa và các vật liệu khác được mua từ trung tâm huyện Bắc Quang vận chuyển đến công trình bằng ô tô với cự ly là 24km đường loại 3 và 21km đường loại 4. Vận chuyển bộ với cự ly trung bình là 100m.

Bê tông, phế thải đổ đi vận chuyển bộ với cự ly trung bình là 100m và vận chuyển bằng ô tô là 2,5km.

Đất đắp được lấy từ mô đất vận chuyển về công trình bằng ô tô là 1,5km và vận chuyển bộ là 100m.

Biên bản này làm cơ sở cho việc lập dự toán và thanh quyết toán công trình, được thông qua các bên và cùng thống nhất ký tên ./.

Đ/D CHỦ ĐẦU TƯ

**ĐƠN VỊ KHẢO SÁT
THIẾT KẾ**

ĐẠI DIỆN UBND XÃ

Giám đốc

Giám đốc

Chủ tịch



GIÁM ĐỐC

Hoàng Cao Cường

Bùi Duy Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH CỤ LY VẬN CHUYỂN VẬT LIỆU XÂY DỰNG

**Công trình kê chống sạt lở hạ lưu tràn xả lũ và bảo vệ tuyến kênh cấp I hồ
Quang Minh và Sửa chữa, nâng cấp mương cấp 1 hồ Quang Minh**

Hôm nay, ngày 02.../02.../2023 tại địa điểm xây dựng công trình, chúng tôi gồm có:

I. Thành phần gồm có:

**1. Đại diện chủ đầu tư: Ban điều phối chương trình giảm nghèo dựa trên phát triển
hàng hóa (CPRP) tỉnh Hà Giang**

Bà: Đào Thị Lan Anh

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Hà Ngọc Đức

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

2. Đại diện UBND xã Quang Minh

Ông: Nguyễn Tiến Chức

Chức vụ: P. Chủ tịch UBND xã

Ông: Nguyễn Xuân Thanh

Chức vụ: Công chức địa chính NN

3. Đại diện đơn vị khảo sát thiết kế: Công ty CP tư vấn XD thủy lợi Hà Thành

Ông: Bùi Duy Trung

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Vũ Duy Long

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

II. Nội dung:

Sau khi khảo sát vị trí xây dựng công trình chúng tôi cùng nhau thống nhất xác định
cụ ly vận chuyển các loại vật liệu để phục vụ xây dựng công trình cụ thể như sau:

1. Kê chống sạt lở hạ lưu tràn xả lũ và bảo vệ tuyến kênh cấp 1 hồ Quang Minh

Xi măng, sắt thép, đá hộc, đá 4x6, đá 2x4, đá 1x2, đá các loại, cát vàng, cát đen, cát
các loại, ván khuôn, ống thép, ống nhựa các loại, và các loại phụ kiện ống thép ống nhựa và
các vật liệu khác được mua từ trung tâm huyện Bắc Quang vận chuyển đến công trình bằng
ô tô với cự ly là 4,6km đường loại 3 và 2,4km đường loại 4. Vận chuyển bộ với cự ly trung
bình là 500m. Bê tông, phế thải đổ đi được vận chuyển bộ là 200m và vận chuyển bằng ô tô
đến bãi thải là 1,5km. Đất đắp được lấy từ mỏ đất vận chuyển về công trình bằng ô tô là
1km và vận chuyển bộ là 200m.

2. Sửa chữa, nâng cấp mương cấp 1 hồ Quang Minh

Xi măng, sắt thép, đá hộc, đá 4x6, đá 2x4, đá 1x2, đá các loại, cát vàng, cát đen, cát
các loại, ván khuôn, ống thép, ống nhựa các loại, và các loại phụ kiện ống thép ống nhựa và
các vật liệu khác được mua từ trung tâm huyện Bắc Quang vận chuyển đến công trình bằng
ô tô với cự ly là 4,6km đường loại 3 và 3,9km đường loại 4. Vận chuyển bộ với cự ly trung
bình là 1,8km. Bê tông, phế thải đổ đi được vận chuyển bằng thủ công là 1,24km. Đất đắp
được lấy từ mỏ đất vận chuyển về công trình bằng thủ công là 2km.

Biên bản này làm cơ sở cho việc lập dự toán và thanh quyết toán công trình, được
thông qua các bên và cùng thống nhất ký tên ./.

Đ/D CHỦ ĐẦU TƯ

ĐƠN VỊ KHẢO SÁT THIẾT KẾ

ĐẠI DIỆN UBND XÃ

Giám đốc

Giám đốc

P. Chủ tịch



GIÁM ĐỐC
Bùi Duy Trung



Nguyễn Tiến Chức